

THỰC TIỄN XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO ĐẾN NĂM 2030 VÀ GỢI SUY TRONG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO 2026 - 2030

Hà Công Hải¹

Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

Nguyễn Mạnh Tiên

Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo

Tóm tắt:

Kinh nghiệm từ các nước trên thế giới cho thấy, trong xây dựng chiến lược nói chung, chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN&ĐMST) nói riêng, quy trình và phương pháp xây dựng được xem là những yếu tố quyết định đến chất lượng và tính khả thi của văn bản chiến lược. Không có quy trình và phương pháp chung về xây dựng chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST để áp dụng cho tất cả các quốc gia, mà phụ thuộc vào điều kiện, bối cảnh cũng như truyền thống xây dựng chiến lược của mỗi nước. Bài viết tập trung phân tích thực tiễn về quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST đến năm 2030 ở Việt Nam, rút ra các bài học kinh nghiệm, từ đó gợi suy trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH, CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030.

Từ khóa: Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Chiến lược; Kế hoạch; Xây dựng chiến lược; Phương pháp; Giai đoạn 2026 - 2030.

Mã số: 21112101

EXPERIENCE IN DEVELOPING THE SCIENCE, TECHNOLOGY AND INNOVATION DEVELOPMENT STRATEGY TOWARDS 2030, AND IMPLICATIONS FOR DEVELOPING A MID-TERM PLAN FOR IMPLEMENTING THE STRATEGY DURING THE 2026-2030 PERIOD

Summary:

Experience from countries around the world shows that strategy development in general, and science, technology and innovation (STI) strategy development in particular, the strategy development process and method are considered decisive factors for the quality and feasibility of strategy development documents. There is no common or one-size-fits-all process and method for developing the STI strategy development to apply to all countries, but it depends on the conditions, context, and strategy development tradition of each country. The article focuses on analyzing the practical process and methods of developing the Science, technology and innovation Development Strategy for 2030 in Vietnam, drawing lessons from experience, and suggesting implications for developing the Science, technology and innovation Development Plan for the period 2026 - 2030.

¹ Liên hệ tác giả: haihc85@gmail.com, hchai@most.gov.vn

Keywords: Science and technology; Innovation; Strategy; Plan; Strategy process and method; Period 2026 - 2030.

1. Một số vấn đề chung và mối quan hệ về quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược với kế hoạch trung hạn triển khai chiến lược

Ở quy mô quốc gia, chiến lược được hiểu là một kế hoạch tổng thể và dài hạn nhằm định hướng sự phát triển của quốc gia hoặc các ngành, lĩnh vực của quốc gia, đảm bảo sự phát triển bền vững và khả năng thích ứng với bối cảnh quốc tế luôn có những biến động phức tạp (OECD, 2021; World Bank, 2022). Trong thực tiễn xây dựng chiến lược của nhiều nước trên thế giới, để xây dựng một văn bản chiến lược đảm bảo chất lượng và tính khả thi phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược có ý nghĩa quyết định.

1.1. Một số vấn đề chung về quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược

a) Quy trình xây dựng chiến lược

Theo Bryson (2018), quy trình xây dựng chiến lược là tập hợp các bước có hệ thống, được tiến hành để đảm bảo việc xác định mục tiêu, định hướng phát triển và các biện pháp triển khai chiến lược phù hợp với điều kiện thực tiễn. Quy trình xây dựng chiến lược thường có các bước cơ bản sau: (i) Xác định sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, đây là nền tảng để định hướng chiến lược, xác định vai trò và mục tiêu tổng quát; (ii) Đánh giá bối cảnh và phân tích môi trường, bao gồm phân tích nội bộ (năng lực, nguồn lực) và phân tích ngoại cảnh (xu hướng, cơ hội, thách thức); (iii) Xây dựng mục tiêu và xác định các ưu tiên, là xác định những mốc cần đạt tới của giai đoạn phát triển trong chiến lược, xác định các ưu tiên cần tập trung nguồn lực; (iv) Xác định các phương án chiến lược, là quá trình xác định và đánh giá các phương án khả thi, kết hợp các nguồn lực và đề xuất giải pháp cụ thể; (v) Triển khai và giám sát, là xác định cơ chế đo lường và cơ chế điều chỉnh chiến lược để phù hợp với thực tiễn.

Thực hiện các bước của quy trình xây dựng chiến lược nêu trên sẽ góp phần đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong quá trình xây dựng chiến lược; tăng cường tính khoa học trong quá trình ra quyết định chiến lược; huy động được sự tham gia của các bên liên quan, tạo nên sự đồng thuận trong xây dựng và triển khai chiến lược; thiết lập các chỉ số giám sát và đánh giá cụ thể, giảm thiểu rủi ro khi triển khai chiến lược (Mintzberg, 1994; Bryson, 2018).

b) Phương pháp xây dựng chiến lược

Phương pháp xây dựng chiến lược được hiểu là tập hợp các cách tiếp cận, công cụ và kỹ thuật khoa học được sử dụng để hỗ trợ quá trình xây dựng chiến

lược. Theo OECD (2021), phương pháp xây dựng chiến lược là những khung phân tích và công cụ thực hành nhằm hỗ trợ việc xác định mục tiêu, đánh giá bối cảnh, phát triển các kịch bản và xây dựng lộ trình triển khai nhằm đạt được mục tiêu tổng thể của chiến lược. Phương pháp xây dựng chiến lược có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chất lượng và tính khả thi của chiến lược. Các phương pháp xây dựng chiến lược cung cấp nền tảng khoa học để phân tích các yếu tố bên trong và bên ngoài một cách toàn diện, giúp quá trình ra quyết định dựa trên dữ liệu và thông tin đáng tin cậy; góp phần tối ưu hóa nguồn lực và định hướng các giải pháp phù hợp; cho phép dự đoán các biến động trong tương lai và xây dựng các kế hoạch dự phòng; đảm bảo sự tham gia của nhiều bên liên quan, giúp tạo ra sự đồng thuận và cam kết trong quá trình triển khai chiến lược.

Một số phương pháp phổ biến trong xây dựng chiến lược được các quốc gia sử dụng như phương pháp phân tích SWOT (Strengths, Weaknesses, Opportunities, Threats), đây là công cụ cơ bản để đánh giá nội tại và môi trường bên ngoài của quốc gia hoặc lĩnh vực; phân tích PESTLE (Political, Economic, Social, Technological, Legal, Environmental), giúp đánh giá toàn diện các yếu tố vĩ mô ảnh hưởng đến chiến lược; phân tích kịch bản (Scenario Analysis), dự báo các tình huống khác nhau trong tương lai và đề xuất các biện pháp ứng phó; phương pháp Delphi, giúp thu thập ý kiến của chuyên gia để đạt được sự đồng thuận về các vấn đề phức tạp và không chắc chắn;...

1.2. Mối quan hệ giữa quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược với quy trình, phương pháp xây dựng kế hoạch trung hạn triển khai chiến lược

Nếu như chiến lược là các định hướng tổng quát, tầm nhìn, sứ mệnh và các mục tiêu cốt lõi cần đạt được trong dài hạn (thường từ 5 đến 10 năm hoặc dài hơn) thì các kế hoạch trung hạn (3-5 năm) nhằm phân bổ các mục tiêu dài hạn thành các mục tiêu ngắn hạn và có thể đo lường được. Kế hoạch trung hạn cụ thể hóa chiến lược thông qua triển khai các nhiệm vụ, dự án,... cần thực hiện trong từng giai đoạn. Kế hoạch trung hạn chuyển hóa chiến lược dài hạn thành các hành động khả thi, phù hợp với bối cảnh cụ thể ở từng thời điểm. Bởi vậy, quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược dài hạn có mối quan hệ chặt chẽ với quy trình, phương pháp xây dựng các kế hoạch trung hạn. Xây dựng kế hoạch trung hạn cần phải sử dụng quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược để đảm bảo tính nhất quán từ cấp độ tầm nhìn chiến lược đến hành động cụ thể, đồng thời tạo điều kiện để đo lường và điều chỉnh mục tiêu chiến lược một cách linh hoạt.

Trên cơ sở những vấn đề chung trên đây và mối quan hệ giữa quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược với quy trình, phương pháp xây dựng kế hoạch trung hạn triển khai chiến lược, các phần dưới đây sẽ phân tích thực tiễn quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN&ĐMST

đến năm 2030 ở Việt Nam, rút ra các bài học kinh nghiệm, từ đó gợi suy trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026-2030.

2. Quy trình xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 (Chiến lược) được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022. Mặc dù chưa có các nghiên cứu, đánh giá nhưng có thể thừa nhận rằng, quy trình xây dựng Chiến lược đã đảm bảo các bước cơ bản, sử dụng hệ thống đa dạng các công cụ và kỹ thuật khoa học để hỗ trợ quá trình xây dựng Chiến lược.

2.1. Giai đoạn chuẩn bị xây dựng Chiến lược

a) Đề xuất và thông qua Kế hoạch xây dựng Chiến lược

Trên thực tế, những kỳ xây dựng chiến lược phát triển KH&CN trước đây chưa chú ý đúng mức đến đề xuất và thông qua kế hoạch xây dựng chiến lược nên đã bị động trong điều phối hoạt động, sử dụng nguồn lực, gây lãng phí (*Hoàng Xuân Long và cộng sự, 2019*). Bài học kinh nghiệm cho thấy, kế hoạch xây dựng chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến sự thành công của chiến lược.

Mặc dù giữa năm 2020, Bộ KH&CN mới được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030² (về sau được điều chỉnh thành Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030), nhưng ngay từ cuối năm 2019, Bộ KH&CN đã chủ động chuẩn bị và thông qua Kế hoạch xây dựng Chiến lược, trong đó xác định cụ thể các công việc, tiến độ phân công thực hiện, phân bổ nguồn lực để xây dựng Chiến lược, đảm bảo xây dựng Chiến lược đúng thời hạn dự kiến và đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Kế hoạch xây dựng Chiến lược được Lãnh đạo Bộ KH&CN thông qua, tạo cơ sở đảm bảo Kế hoạch được thực hiện trên thực tế.

b) Thành lập các tổ chức xây dựng Chiến lược

KH,CN&ĐMST là lĩnh vực liên ngành và thực tế KH,CN&ĐMST đã và đang hiện diện trong tất cả các khâu của quá trình sản xuất ở tất cả các ngành, lĩnh vực, tổ chức, doanh nghiệp,... Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 được xác định là xây dựng phục vụ cho tất cả các ngành, các cấp và thực hiện bởi các ngành, các cấp. Chính vì lẽ đó, quá trình xây dựng Chiến lược đã chú trọng thu hút sự tham gia của đại diện các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là tham gia vào các tổ chức xây dựng Chiến lược.

² Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Bộ KH&CN đã thành lập: (i) Ban Soạn thảo Chiến lược, gồm thành viên là đại diện lãnh đạo các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp để chỉ đạo, tổ chức việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030³; (ii) Tổ Biên tập Chiến lược, gồm thành viên là đại diện lãnh đạo cấp Vụ của các bộ, ngành, địa phương, do một Thứ trưởng Bộ KH&CN là Tổ trưởng; (iii) Thường trực Tổ Biên tập gồm các thành viên đại diện Lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ KH&CN và một số chuyên gia. Tổ Biên tập và Thường trực Tổ Biên tập có nhiệm vụ biên tập các nội dung của Chiến lược⁴.

Như vậy, bộ máy tổ chức xây dựng Chiến lược đã được chú ý hình thành ngay từ đầu, thể hiện rõ ý thức về vai trò của bộ máy tổ chức trong xây dựng Chiến lược. Hơn nữa, so với chiến lược phát triển KH&CN của các giai đoạn trước, giai đoạn này đã nhấn mạnh hơn đến sự tham gia của cộng đồng doanh nghiệp (thông qua đại diện là Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam) và các bộ, ngành để Chiến lược có thể được xây dựng theo hướng KH,CN&ĐMST xuất phát từ nhu cầu phát triển KT-XH và phục vụ cho phát triển KT-XH. Trên thực tế đã có những sự phát huy tác dụng tích cực của bộ máy tổ chức xây dựng Chiến lược, điển hình là Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập đã có những cuộc họp thảo luận đi đến thống nhất về cách tiếp cận, quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược, và quan trọng là các nội dung cơ bản, trọng tâm của Chiến lược.

Có thể khẳng định, nhờ sự chủ động chuẩn bị về kế hoạch và tổ chức bộ máy xây dựng đã góp phần nhất định vào thành công trong xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030.

2.2. Giai đoạn xây dựng Chiến lược

Hoạt động chính của giai đoạn này là tiến hành các công việc để xác định sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Chiến lược; đánh giá bối cảnh và phân tích môi trường; xây dựng mục tiêu và xác định các ưu tiên; xác định các phương án chiến lược. Giai đoạn này gồm các công việc chính sau:

a) Đề xuất các nội dung KH,CN&ĐMST vào Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030

Trong các kỳ xây dựng chiến lược phát triển KH&CN trước đây, Bộ KH&CN đã quan tâm đến việc đề xuất các nội dung KH&CN vào chiến lược phát triển KT-XH, tuy nhiên do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan nên các nội dung KH&CN không được thể hiện rõ nét, đồng bộ trong chiến lược phát

³ Quyết định số 3476/QĐ-BKHHCN ngày 14/12/2020 của Bộ KH&CN thành lập Ban Soạn thảo Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021 - 2030.

⁴ Quyết định số 3477/QĐ-BKHHCN ngày 14/12/2020 của Bộ KH&CN thành lập Tổ Biên tập và Thường trực Tổ Biên tập Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021 - 2030.

triển KT-XH, dẫn tới khó khăn trong việc triển khai các hoạt động KH&CN, trong xây dựng và triển khai chiến lược phát triển KH&CN. Vì vậy, trong thời gian tham gia xây dựng Văn kiện Đại hội XIII của Đảng, Bộ KH&CN đã tích cực, chủ động đề xuất cụ thể, đồng bộ và xuyên suốt các nội dung KH,CN&ĐMST vào Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030. Hoạt động này vừa thể hiện rõ nhận thức về vai trò gắn kết của KH,CN&ĐMST với KT-XH; vừa tạo cơ sở chính trị, pháp lý cho việc xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 thông qua sự gắn kết hữu cơ, liên thông giữa các nội dung của Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030 với Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030.

b) Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020

Bộ KH&CN đã lồng ghép việc đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020 với xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, trong đó làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, chú trọng phân tích những nguyên nhân chủ quan, khách quan của các hạn chế để có biện pháp khắc phục trong giai đoạn 2021 - 2030, làm cơ sở xác định các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 10 năm tới. Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 kế thừa những kết quả, thành tựu và bài học kinh nghiệm từ Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2011 - 2020, đồng thời xác định các nội dung mới nhằm tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức trong bối cảnh mới.

c) Xây dựng đề cương Chiến lược

Đề cương Chiến lược là khung nội dung xác định các trụ cột chính, các phần nội dung chủ yếu, mục tiêu trọng tâm và phạm vi của Chiến lược. Bản đề cương Chiến lược sẽ đảm bảo rằng tất cả các nội dung chi tiết được xây dựng sau đó phù hợp với tầm nhìn và mục tiêu tổng thể đã được đề ra. Nhận thức được vai trò đó, trước khi xây dựng văn bản Chiến lược, Bộ KH&CN đã chú trọng xây dựng Đề cương Chiến lược, xin ý kiến các chuyên gia, các đơn vị thuộc Bộ, được Lãnh đạo Bộ xem xét, thông qua. Đây là cơ sở để đảm bảo việc xây dựng Chiến lược bám sát theo định hướng nội dung đã được xác định, tăng cường sự tham gia và đồng thuận của các bên liên quan trong xây dựng Chiến lược.

d) Tiến hành các hoạt động nghiên cứu

Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST là một văn bản chính sách nhưng khác với văn bản chính sách thông thường là cần có cách tiếp cận tổng thể, những dự báo dài hạn, những nội dung mang tính định hướng và khái quát. Do vậy, trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, hoạt động nghiên cứu đã rất được quan tâm, chú trọng. Bộ KH&CN đã phê duyệt Chương trình KH&CN cấp Bộ “Nghiên cứu định hướng chiến lược

phát triển KH, CN & ĐMST Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” với mục tiêu cung cấp cơ sở lý luận, thực tiễn cho việc đánh giá kết quả thực hiện định hướng phát triển KH & CN quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và xây dựng định hướng chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021 - 2030. Trước đó, Bộ KH & CN cũng đã phê duyệt triển khai một số nhiệm vụ nghiên cứu về phương pháp luận xây dựng Chiến lược và nghiên cứu dự báo, lựa chọn những lĩnh vực công nghệ ưu tiên phục vụ xây dựng Chiến lược.

Ngoài ra, Bộ KH & CN cũng đã đề nghị các bộ, ngành, địa phương xây dựng báo cáo về phân tích, đánh giá thực trạng phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2011 - 2020; đề xuất quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn 2021 - 2030 của bộ, ngành, địa phương. Đồng thời, Bộ KH & CN đã tiến hành nghiên cứu, rà soát kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển KH & CN các giai đoạn trước, Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021 - 2030, chiến lược phát triển một số ngành, lĩnh vực và chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST của một số quốc gia trên thế giới; tổ chức thu thập, tổng hợp, xây dựng hệ thống tư liệu, số liệu phục vụ cho phân tích và tính toán mục tiêu, định hướng chủ yếu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu của Chiến lược.

đ) Tiến hành các hoạt động hợp tác quốc tế

Bộ KH & CN đã phối hợp với các tổ chức quốc tế để trao đổi, hợp tác nghiên cứu, cùng tổ chức các hội thảo, hội nghị nhằm bổ sung kinh nghiệm nước ngoài và các luận cứ khoa học, thực tiễn phục vụ xây dựng Chiến lược. Điển hình là phối hợp với Ngân hàng Thế giới xây dựng “Báo cáo Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Việt Nam” nhằm cung cấp các phân tích hỗ trợ cho xây dựng Chiến lược, tổng hợp các đánh giá và khuyến nghị chính sách, đồng thời đưa ra lộ trình về KH, CN & ĐMST để định hướng các hành động ưu tiên nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp tại Việt Nam (Bộ KH & CN và Ngân hàng Thế giới, 2021); phối hợp với Chương trình Aus4Innovation (Australia) xây dựng “Báo cáo kinh nghiệm quốc tế trong xác định và lựa chọn các mục tiêu, chỉ tiêu chiến lược và khuyến nghị đối với Việt Nam trong xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030” và “Báo cáo kinh nghiệm quốc tế về xác định các định hướng ưu tiên trong các lĩnh vực KH & CN, định hướng công nghệ ưu tiên và khuyến nghị đối với Việt Nam trong xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST Việt Nam đến năm 2030”;...

e) Xây dựng dự thảo Chiến lược

Trên cơ sở các kết quả thu được của các hoạt động nêu trên, Tổ Biên tập Chiến lược đã tiến hành xây dựng dự thảo Chiến lược gồm các văn bản và tài liệu sau: (i) Dự thảo Tờ trình Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030, trong đó phân tích, làm rõ sự cần thiết và căn cứ xây dựng Chiến lược, quan điểm và nguyên tắc xây dựng Chiến lược, quá trình xây dựng Chiến lược, những vấn đề trọng tâm và những nội

dung chủ yếu của Chiến lược; (ii) Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, gồm quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển KH,CN&ĐMST; (iii) Báo cáo thuyết minh xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, trong đó thuyết minh làm rõ hơn về sự cần thiết, quan điểm, nguyên tắc và phương pháp xây dựng Chiến lược, cơ sở xác định nội dung Chiến lược, bối cảnh quốc tế và trong nước tác động tới phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030, kết cấu và nội dung chính của Chiến lược.

2.3. Giai đoạn hoàn thiện và trình ban hành Chiến lược

Hoạt động chủ yếu của giai đoạn này là tổ chức xin ý kiến góp ý tổng thể dự thảo Chiến lược, bổ sung, hoàn thiện và xin ý kiến Ban Soạn thảo thông qua trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Ngay từ khi bắt đầu xây dựng Chiến lược, Lãnh đạo Bộ KH&CN và Ban Soạn thảo đã chỉ đạo không chỉ thu hút các tổ chức, cá nhân trong và ngoài ngành KH&CN tham gia vào xây dựng Chiến lược, mà cần coi trọng cả khâu lấy ý kiến đóng góp rộng rãi với tất cả các bên liên quan, từ giới làm chính sách, quản lý nhà nước ở các bộ, ngành, địa phương, viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp; sự thấu hiểu, chia sẻ và cam kết thực thi Chiến lược của các cộng đồng trong và ngoài ngành KH&CN là một điều kiện không thể thiếu quyết định mức độ thực thi, vai trò và ảnh hưởng của Chiến lược đối với các lĩnh vực KT-XH. Vì vậy, dự thảo Chiến lược đã được xin ý kiến góp ý rộng rãi của nhiều tổ chức, cá nhân (thông qua hội thảo và gửi văn bản xin ý kiến) như các đơn vị thuộc Bộ KH&CN, các đồng chí Lãnh đạo và nguyên Lãnh đạo Bộ KH&CN, Hội đồng Chính sách KH&CN quốc gia, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, nhà khoa học, chuyên gia công nghệ của 3 miền Bắc, Trung, Nam; 28 bộ, ngành và 63 địa phương; các cơ quan của Quốc hội và cơ quan Đảng ở Trung ương;...

Nhìn chung, các giai đoạn và các bước của quy trình xây dựng Chiến lược được trình bày trên đây được tiến hành vừa tuần tự, vừa song song. Ngoài cộng đồng làm chính sách, cộng đồng KH&CN và giới quản lý, đã huy động được sự tham gia rộng rãi của đại diện cộng đồng doanh nghiệp vào xây dựng Chiến lược. Bởi vậy, quá trình xây dựng Chiến lược thực chất là quá trình tính toán, trao đổi, thảo luận, lựa chọn và đề xuất các phương án đồng thuận về quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển KH,CN&ĐMST giữa các ngành, các cấp và cộng đồng doanh nghiệp.

3. Phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Như phần trên đã trình bày, quá trình xây dựng Chiến lược bao gồm nhiều hoạt động khác nhau, trong đó có các hoạt động tiến hành dự báo, xác định các quan điểm, định hướng ưu tiên, nhiệm vụ và giải pháp phát triển

KH,CN&ĐMST,... Để thực hiện các hoạt động này, đòi hỏi phải sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, điển hình là một số phương pháp sau:

3.1. Phương pháp phân tích về chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, luật pháp và môi trường (PESTLE)

Mục đích sử dụng phương pháp PESTLE để xác định các thời cơ, thách thức đối với phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Phân tích PESTLE là một công cụ phân tích nhằm nhận diện các bối cảnh quốc tế có ảnh hưởng đến một lĩnh vực cụ thể của quốc gia trên 6 khía cạnh là chính trị (Politics), kinh tế (Economics), xã hội (Social), công nghệ (Technology), luật pháp (Law), môi trường (Environment). Sáu yếu tố trong phân tích PESTLE đều là những yếu tố bên ngoài, mang tính khách quan, đem lại các thời cơ nhưng đồng thời cũng chỉ ra những thách thức phải đối mặt. Thông qua phân tích tổng thể các yếu tố trên, có thể đưa ra những quyết định khách quan, chính xác trong xác định các nội dung của Chiến lược. Từ kết quả phân tích PESTLE, Tổ Biên tập Chiến lược đã tổng hợp thành các xu thế lớn (megatrend) tác động đến phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Mỗi xu thế lớn được phân tích nhằm nhận diện thời cơ và thách thức đối với phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam đến năm 2030, là cơ sở để xác định các giải pháp của Chiến lược.

3.2. Phương pháp phân tích thẻ điểm cân bằng (Balanced Scorecard - BSC)

Mục đích sử dụng phương pháp phân tích thẻ điểm cân bằng (BSC) để nhận diện các điểm mạnh, điểm yếu của KH,CN&ĐMST Việt Nam. Phương pháp này được sử dụng rộng rãi trong xây dựng chiến lược cho doanh nghiệp và cũng được sử dụng ở quy mô quốc gia cho một lĩnh vực cụ thể. Trong lĩnh vực KH,CN&ĐMST, 4 yếu tố được đưa vào phân tích thẻ điểm cân bằng gồm: Đối tượng phục vụ/thụ hưởng - Chính sách và Pháp lý - Năng lực phát triển - Tài chính để nhận diện các điểm mạnh và hạn chế của KH,CN&ĐMST của Việt Nam. Để cụ thể hóa các điểm trên, việc phân tích hiện trạng KH,CN&ĐMST Việt Nam được xây dựng dựa trên các yếu tố: (i) đóng góp của KH,CN&ĐMST cho người dân, doanh nghiệp và khu vực nhà nước; (ii) việc ban hành các chính sách và văn bản về KH,CN&ĐMST; (iii) về tiềm lực KH,CN&ĐMST quốc gia; (iv) về tài chính của KH,CN&ĐMST. Tổ Biên tập Chiến lược đã tổ chức các hội thảo, xin ý kiến chuyên gia về hiện trạng KH,CN&ĐMST Việt Nam và xác định các điểm mạnh, điểm yếu. Các thông tin tiếp nhận sẽ được sử dụng để phân tích SWOT phục vụ việc lựa chọn các giải pháp của Chiến lược. Mặt khác, các phân tích về điểm mạnh và điểm yếu cũng là căn cứ để xác định các mục tiêu Chiến lược.

3.3. Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức (SWOT) và lập ma trận TOWS

Mục đích sử dụng phân tích SWOT và lập ma trận TOWS để đề xuất các giải pháp chủ yếu phát triển KH, CN & ĐMST Việt Nam đến năm 2030. Sau khi nhận diện các cơ hội và thách thức từ phân tích PESTLE, phân tích điểm mạnh và hạn chế từ phân tích BSC thể điểm cân bằng, phương pháp phân tích SWOT sẽ được áp dụng đối với từng mục tiêu cụ thể của Chiến lược để từ đó tìm ra các giải pháp nhằm đạt được mục tiêu Chiến lược đã đặt ra. Các giải pháp Chiến lược được xây dựng trên cơ sở tham khảo các giải pháp ở các văn bản của Đảng và Nhà nước đã ban hành và bổ sung một số giải pháp từ kinh nghiệm quốc tế, đồng thời sắp xếp và phân tích theo ma trận TOWS - là các kịch bản xảy ra nhằm phát huy điểm mạnh (S), khắc phục điểm yếu (W), tận dụng thời cơ (O), giảm thiểu thách thức (T). Từ đó đề xuất các giải pháp: Tấn công (sử dụng thế mạnh để tối ưu hoá cơ hội - SO); Điều chỉnh (hạn chế tối đa những điểm yếu bằng cách tận dụng các cơ hội - WO); Phòng thủ (sử dụng thế mạnh để hạn chế tối đa thách thức - ST); và Cầm cự (hạn chế tối thiểu các điểm yếu và tránh các nguy cơ - WT).

3.4. Phương pháp “nhìn trước công nghệ”

Phương pháp “nhìn trước công nghệ” (Technology Foresight) được sử dụng để mô tả sự sẵn sàng ứng phó với các vấn đề dài hạn nói chung và vấn đề dài hạn trong tương lai của hệ thống KH&CN nói riêng. Đây là một trong những phương pháp khá hữu hiệu để có thể chọn trúng một số định hướng KH, CN & ĐMST nên ưu tiên để phát triển. Dựa vào phương pháp này, các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau có thể cùng trao đổi, thảo luận để đi đến thống nhất về các hướng công nghệ ưu tiên và cùng hợp tác với nhau để biến chúng thành hiện thực. Để vận dụng phương pháp trên đây trong xác định các hướng công nghệ ưu tiên, các lĩnh vực KH&CN ưu tiên, Bộ KH&CN đã tích cực triển khai dưới các hình thức khác nhau, như: tổ chức nhiều vòng tham vấn ý kiến các chuyên gia của các bộ, ngành, viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ, các nhà quản lý về các định hướng phát triển KH, CN & ĐMST giai đoạn đến năm 2030; sử dụng kết quả nghiên cứu về định hướng công nghệ ưu tiên theo phương pháp Delphi thông qua lấy ý kiến tư vấn chuyên gia nhiều vòng để đánh giá tầm quan trọng/tác động tích cực của các lĩnh vực công nghệ cũng như các hướng công nghệ đã lựa chọn đối với sự phát triển của các ngành, lĩnh vực; nghiên cứu các xu hướng công nghệ trên thế giới, các chiến lược, kế hoạch của một số nước chọn lọc để đề xuất lĩnh vực công nghệ ưu tiên cho giai đoạn đến năm 2030.

3.5. Phương pháp chuyên gia

Phương pháp chuyên gia đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp cơ sở khoa học, kinh nghiệm thực tiễn và dự báo dài hạn khi xây dựng Chiến lược. Trong toàn bộ quy trình xây dựng Chiến lược, Bộ KH&CN đã thu hút, huy động sự tham gia của các chuyên gia vào tất cả các bước, từ xây dựng đề cương Chiến lược, xây dựng các nội dung của dự thảo Chiến lược và góp ý

hoàn thiện dự thảo Chiến lược trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Có thể thấy, phương pháp chuyên gia đã giúp đảm bảo các nhận định và giải pháp được đề xuất trong Chiến lược có cơ sở khoa học; các chuyên gia giúp dự báo những thay đổi trong bối cảnh kinh tế, xã hội, công nghệ và môi trường, đảm bảo Chiến lược thích ứng với tương lai và nâng cao tính linh hoạt hơn; các chuyên gia giúp tạo sự đồng thuận giữa các bên liên quan thông qua các cuộc thảo luận dựa trên cơ sở khoa học và thực tiễn, từ đó tăng cường sự chấp nhận và cam kết đối với Chiến lược.

Như vậy, so với các giai đoạn xây dựng chiến lược phát triển KH&CN trước đây, giai đoạn này, vai trò của các phương pháp và thông tin dự báo đã được nhấn mạnh và phát huy tác dụng trong quá trình xây dựng Chiến lược.

4. Nhận xét, đánh giá

Nhìn chung, quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030 đã dựa trên kinh nghiệm quốc tế về hoạt động xây dựng chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST, kinh nghiệm xây dựng chiến lược ở các lĩnh vực khác của Việt Nam, đồng thời có sự điều chỉnh rút kinh nghiệm từ chính hoạt động xây dựng chiến lược phát triển KH&CN trong các giai đoạn trước. Có thể khẳng định, quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030 đã phát huy tác dụng tốt, góp phần quan trọng vào xây dựng thành công Chiến lược. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm, quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược cũng có một số hạn chế, tồn tại.

4.1. Quy trình xây dựng Chiến lược

Trong quá trình xây dựng Chiến lược đã huy động được sự tham gia của đại diện các bộ, ngành và các địa phương, cộng đồng doanh nghiệp để đóng góp ý tưởng, nhu cầu, nguồn lực, mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ, giải pháp phát triển KH, CN & ĐMST dưới nhiều hình thức khác nhau. Mặc dù vậy, sự tham gia và đóng góp trên đây chưa thực sự hiệu quả. Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập Chiến lược đã tổ chức được một số cuộc họp, song các thành viên là Lãnh đạo các bộ, ngành, lãnh đạo các đơn vị nên bận nhiều công việc, chưa dành thời gian thích đáng cho việc tham dự hoạt động của Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập Chiến lược. Một số bộ, ngành, địa phương tham gia đóng góp ý kiến vào dự thảo Chiến lược còn mang tính hình thức, chưa thực chất.

Có một số nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên đây, điển hình là người tham gia xây dựng Chiến lược chưa thực sự là đại diện của các bên có liên quan, do đó ý kiến đưa ra không phản ánh được nguyện vọng, ý chí chung của bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, thậm chí có trường hợp thiếu thống nhất giữa các lần đóng góp ý kiến do thường thay đổi đại diện

tham gia thảo luận về Chiến lược. Bên cạnh đó, do thành phần tham gia đa dạng, khác biệt về đặc thù của mỗi ngành, lĩnh vực nên khó khăn trong việc trao đổi ý tưởng, thông tin, đối thoại để đạt được đồng thuận.

4.2. Phương pháp xây dựng Chiến lược

Phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 đã chú ý khắc phục những hạn chế của các giai đoạn xây dựng chiến lược trước đây. Ở giai đoạn xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN đến năm 2010, hầu như không áp dụng phương pháp dự báo nào trong quá trình xây dựng chiến lược ngoài phân tích SWOT. Giai đoạn xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN 2011 - 2020 đã có một số hoạt động phân tích dữ liệu, tuy nhiên cũng giống như giai đoạn trước, giai đoạn này vẫn chủ yếu tập trung vào “xây dựng văn bản”, hầu như chưa có tính toán, xử lý các mối quan hệ và lựa chọn các phương án về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chiến lược (Hoàng Văn Tuyên và cộng sự, 2018).

Trong quá trình xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, nhiều phương pháp đã được kết hợp sử dụng như phương pháp phân tích về chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ, luật pháp và môi trường (PESTLE); phương pháp phân tích thể điểm cân bằng (BSC); phương pháp phân tích điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức (SWOT) và lập ma trận TOWS; phương pháp “nhìn trước công nghệ”;... Đặc biệt, thông qua triển khai thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu “Dự báo và lựa chọn những lĩnh vực công nghệ ưu tiên phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST của Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”, đã vận dụng kỹ thuật điều tra Delphi để dự báo các lĩnh vực công nghệ và các hướng công nghệ ưu tiên trong giai đoạn đến năm 2030.

Tuy nhiên, các phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 trên đây còn một số tồn tại, hạn chế như: Phương pháp xây dựng Chiến lược vẫn chủ yếu là các phương pháp định tính, so với kinh nghiệm của nhiều quốc gia trên thế giới, chúng ta còn thiếu một số phương pháp định lượng như phương pháp phân tích công nghệ then chốt; phương pháp xây dựng lộ trình công nghệ; phương pháp trắc lượng thư mục, gồm một số kỹ thuật là đo lường và phân tích dữ liệu về ấn phẩm khoa học, đo lường và phân tích dữ liệu về pa-tăng,... Mặc dù vậy, về cơ bản, chất lượng của văn bản Chiến lược vẫn được đảm bảo trên thực tế. Các hạn chế trên đây xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu như nguồn lực để xây dựng Chiến lược hạn hẹp; đội ngũ xây dựng Chiến lược chưa được đào tạo bài bản về tư duy chiến lược và các phương pháp hoạch định chiến lược hiện đại; chưa có hành lang pháp lý cụ thể, thống nhất về xây dựng Chiến lược;...

4.3. Một số bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn về quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030, có thể nêu một số bài học sau:

Thứ nhất, xây dựng chiến lược cần thực hiện đầy đủ các bước của quy trình và áp dụng đúng phương pháp nhằm đảm bảo chiến lược có định hướng phát triển rõ ràng và thống nhất, đảm bảo tính khả thi, tối ưu hóa nguồn lực, giảm thiểu rủi ro và thích ứng linh hoạt. Đây là yếu tố quyết định để đạt được thành công trong triển khai thực hiện chiến lược.

Thứ hai, cần bố trí đủ nguồn lực (tài chính) để đảm bảo thực hiện được đồng bộ, đầy đủ các bước trong quy trình xây dựng chiến lược, cũng như áp dụng được đa dạng hệ thống các phương pháp xây dựng chiến lược.

Thứ ba, thu hút, huy động sự tham gia của đông đảo đại diện các bộ, ngành, địa phương và nhất là đại diện cộng đồng doanh nghiệp vào xây dựng chiến lược, song quan trọng nhất là cần có hình thức tổ chức hợp lý để vừa đảm bảo sự tham gia của nhiều bên liên quan, vừa đảm bảo sự tham gia đó là thực chất và hiệu quả.

Thứ tư, cần có những quy định cụ thể về quy trình và phương pháp xây dựng chiến lược (khác với quy định về xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật) để hoạt động xây dựng chiến lược có tính thống nhất, thực chất và hiệu quả.

5. Gợi suy trong xây dựng Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo giai đoạn 2026 - 2030

5.1. Thực tiễn xây dựng Kế hoạch phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2025

Ngày 11/5/2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2030. Chiến lược sẽ được triển khai thực hiện thông qua các kế hoạch trung hạn (3-5 năm), ngắn hạn (hàng năm), các chương trình, đề án,... trong đó quan trọng nhất là các kế hoạch trung hạn bởi đây là loại kế hoạch được xây dựng để phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu theo từng giai đoạn của Chiến lược. Ngay sau khi Chiến lược được ban hành, Bộ KH & CN đã tổ chức xây dựng và phê duyệt triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2025⁵. Về cơ bản, Kế hoạch phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2025 đã cụ thể hoá các quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu của Chiến lược, mặt khác bổ sung một số nội dung mới để phù hợp với bối cảnh thế giới và trong nước giai đoạn đến năm 2025. Tuy nhiên, quy trình và phương pháp xây dựng Kế hoạch phát triển KH, CN & ĐMST đến năm 2025 cũng có một số hạn chế nhất định.

⁵ Quyết định số 2667/QĐ-BKHCN ngày 28/12/2022 của Bộ KH & CN về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH, CN & ĐMST đến năm 2025.

Trong quá trình xây dựng Kế hoạch chưa chú ý quan tâm đến một số công đoạn, bước quan trọng, đặc biệt là thiếu giai đoạn chuẩn bị xây dựng Kế hoạch (không có kế hoạch xây dựng, không thành lập tổ chức xây dựng Kế hoạch như Tô Biên tập hoặc Tổ Soạn thảo Kế hoạch); chưa có hoạt động tổng kết kế hoạch 5 năm của giai đoạn trước để làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, nguyên nhân chủ quan, khách quan của các hạn chế để có biện pháp khắc phục trong giai đoạn đến năm 2025; chưa có các hoạt động nghiên cứu dự báo KH,CN&ĐMST;... Bên cạnh đó, trong quá trình xây dựng Kế hoạch chưa thu hút được sự tham gia rộng rãi của các ngành, các cấp, cộng đồng doanh nghiệp.

Các phương pháp xây dựng Kế hoạch chưa được xác định rõ và sử dụng trên thực tế, nhất là chưa sử dụng các phương pháp và thông tin dự báo trong quá trình xây dựng Kế hoạch. Một số mục tiêu đến năm 2025 được đề ra trong Kế hoạch như đầu tư cho KH&CN/GDP, nhân lực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ/vận dân, tổ chức KH&CN được xếp hạng khu vực thế giới,... vốn đã được xác định từ Chiến lược. Trong khi đó, một số mục tiêu khác như đóng góp tỷ lệ của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế; số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp KH&CN và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu; tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo;... được đưa ra mà chưa có luận giải thuyết phục. Những tồn tại này theo trao đổi của chúng tôi với nhóm xây dựng Kế hoạch thì có nguyên nhân khách quan từ những khó khăn về nguồn lực hạn chế, áp lực về tiến độ xây dựng Kế hoạch,...

5.2. Một số gợi suy trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030

Trong giai đoạn 2026 - 2030, KH,CN&ĐMST tiếp tục được xác định có vai trò, sứ mệnh đặc biệt quan trọng: "...lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo làm động lực chính cho phát triển"; "khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam"⁶; "nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế"⁷;... Chính vì vậy, việc xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 vừa có tính đột phá, vừa đảm bảo khả thi có ý nghĩa rất quan trọng. Nội dung của Kế hoạch không chỉ là tiếp tục cụ thể hoá, triển khai Chiến lược

⁶ Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm tại phiên khai mạc và bế mạc của Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

⁷ Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 17/11/2022, Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030 mà còn bổ sung những nội dung mới cho phù hợp với tình hình cũng như yêu cầu phát triển đất nước trong bối cảnh mới.

Trên cơ sở mối quan hệ về quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược với quy trình, phương pháp xây dựng kế hoạch trung hạn triển khai chiến lược; thực tiễn quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030; khắc phục các hạn chế trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2025, phần này rút ra một số gợi ý trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030.

- *Cần coi trọng việc đề xuất và thông qua kế hoạch xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST 2026-2030.* Từ kinh nghiệm xây dựng Chiến lược cho thấy, đây là công việc có ý nghĩa rất quan trọng, quyết định đến sự thành công của Kế hoạch. Kế hoạch xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST 2026-2030 sẽ là công cụ để Lãnh đạo Bộ chỉ đạo sát sao và có hiệu quả trong quá trình xây dựng Kế hoạch, tạo sự chủ động về quy trình và phương pháp xây dựng Kế hoạch, quan trọng hơn, khi kế hoạch xây dựng được Lãnh đạo Bộ thông qua sẽ là những cam kết, đảm bảo về phân công thực hiện, đảm bảo về nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực, thông tin) để xây dựng Kế hoạch theo đúng tiến độ và đáp ứng yêu cầu về chất lượng.
- *Quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026-2030 cần gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2026 - 2030.* Hiện nay, Trung ương đang triển khai xây dựng dự thảo Văn kiện Đại hội XIV, trong đó có Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2026 - 2030. Ngay từ lúc này, Bộ KH&CN cần chủ động, tích cực tham gia vào quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KT-XH, đề xuất các nội dung KH,CN&ĐMST vào Kế hoạch phát triển KT-XH để đảm bảo sự gắn kết hữu cơ, liên thông giữa các nội dung của Kế hoạch phát triển KT-XH với Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST. Chỉ có như vậy, KH,CN&ĐMST mới xuất phát từ nhu cầu thực tiễn phát triển KT-XH, định hướng phục vụ cho phát triển KT-XH, tạo thuận lợi trong việc triển khai các hoạt động KH,CN&ĐMST, cũng như trong việc xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030.
- *Xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 không phải là công việc riêng của cộng đồng KH&CN, chỉ cho KH&CN mà phải gắn kết hữu cơ với hoạt động của tất cả các ngành, lĩnh vực trong toàn bộ nền kinh tế.* Nói cách khác, kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST không phải chỉ là kế hoạch của ngành KH&CN. Muốn vậy, quá trình xây dựng Kế hoạch cần huy động tối đa sự tham gia của các bộ, ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp, chuyên gia quốc tế vào quá trình xây dựng Kế hoạch để tăng cường trao đổi ý tưởng và thông tin, tăng cường

các kênh đối thoại, tạo sự đồng thuận cao nhất trong việc quyết định lựa chọn các phương án Kế hoạch. Mấu chốt của vấn đề là giải quyết mâu thuẫn mà khi xây dựng Chiến lược đã gặp phải, đó là cần thiết phải quy tụ nhiều bên liên quan tham gia xây dựng Kế hoạch, nhưng càng nhiều thành phần tham gia thì hoạt động càng mang tính hình thức; ngược lại việc thu hẹp thành phần tham gia sẽ tạo điều kiện cho các hoạt động thực chất, nhưng lại không thu hút được sự tham gia rộng rãi vào xây dựng Kế hoạch. Do vậy, vấn đề cần quan tâm là có hình thức tổ chức hợp lý để sự tham gia của các bên liên quan là thực chất trong từng công đoạn xây dựng Kế hoạch, gắn chặt với hoạt động xây dựng Kế hoạch, nhất là đóng góp trí tuệ, chuyên môn vào nội dung của từng luận điểm, phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong Kế hoạch.

- *Coi trọng việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2025.* Trong quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 cần lồng ghép với việc đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2025, làm rõ những kết quả đạt được, những hạn chế, các nguyên nhân (chủ quan, khách quan) của các hạn chế để có biện pháp khắc phục trong giai đoạn 2026 - 2030, làm cơ sở xác định các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030. Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030, một mặt sẽ kế thừa những kết quả và bài học kinh nghiệm từ Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2025, mặt khác xác định các nội dung mới để tận dụng thời cơ, vượt qua thách thức trong bối cảnh mới.
- *Quan tâm triển khai các hoạt động nghiên cứu để có cơ sở lý luận và thực tiễn, thông tin đầu vào cho xây dựng Kế hoạch.* Trong đó, cần tập trung nghiên cứu nhu cầu KT-XH đặt ra cho KH,CN&ĐMST; nghiên cứu đánh giá hiện trạng KH,CN&ĐMST; nghiên cứu xác định và phân tích các xu thế phát triển trên thế giới; nghiên cứu xác định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch; nghiên cứu xác định các chương trình, dự án KH,CN&ĐMST thực hiện Kế hoạch;...
- *Xác định rõ và sử dụng trên thực tế các phương pháp xây dựng Kế hoạch.* Các phương pháp xây dựng có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình xây dựng Kế hoạch bởi đây là các công cụ giúp phân tích thực trạng KH,CN&ĐMST, dự báo xu hướng tương lai và xác định các ưu tiên trong phát triển KH,CN&ĐMST. Các phương pháp xây dựng trực tiếp tạo cơ sở để xác định được các mục tiêu rõ ràng, các giải pháp khả thi để thực hiện Kế hoạch. Từ kinh nghiệm về phương pháp xây dựng Chiến lược và những hạn chế trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2025, quá trình xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 cần xác định rõ và sử dụng trên thực tế các phương pháp xây dựng Kế hoạch. Tuy điều kiện cụ thể về nguồn lực, thời gian để kết hợp

linh hoạt giữa các phương pháp định tính và định lượng, quan trọng nhất là thông qua các phương pháp xây dựng có đầy đủ dữ liệu để phân tích, tính toán, qua đó, việc lựa chọn các phương án về mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch sẽ có tính thuyết phục hơn, khả thi hơn.

- Cuối cùng, cần hoàn thiện hành lang pháp lý về công tác xây dựng kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST. Bộ KH&CN có thể nghiên cứu xây dựng một thông tư hướng dẫn/quy định về công tác xây dựng kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST, trong đó hướng dẫn cụ thể về quy trình, phương pháp xây dựng, cũng như kết cấu nội dung của kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST. Chỉ khi có hành lang pháp lý mới đảm bảo công tác xây dựng kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST có tính “nề nếp” và thống nhất trong toàn ngành KH&CN.

Tóm lại, trước xu thế phát triển mạnh mẽ của KH,CN&ĐMST và vai trò ngày càng tăng của KH,CN&ĐMST đối với phát triển KT-XH, Bộ KH&CN đã rất chú trọng công tác xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030, đảm bảo chất lượng và tính khả thi thông qua quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược bài bản và khoa học. Xuất phát từ mối quan hệ giữa quy trình, phương pháp xây dựng chiến lược với quy trình, phương pháp xây dựng kế hoạch trung hạn triển khai chiến lược; các bài học kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn quy trình và phương pháp xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030; các tồn tại, hạn chế trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn đến năm 2025, bài viết đã đề xuất một số gợi ý suy trong xây dựng Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030. Chỉ khi áp dụng một quy trình và phương pháp xây dựng bài bản, khoa học thì Kế hoạch phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2026 - 2030 mới đảm bảo chất lượng và tính khả thi, vừa tiếp tục triển khai Chiến lược, vừa hiện thực hoá được các mục tiêu, định hướng ưu tiên phát triển KH,CN&ĐMST, đẩy mạnh đóng góp của KH,CN&ĐMST vào phát triển KT-XH trong bối cảnh mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
2. Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST đến năm 2030.
3. Quyết định số 696/QĐ-TTg ngày 25/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

4. Quyết định số 2667/QĐ-BKH&CN ngày 28/12/2022 của Bộ KH&CN về việc phê duyệt phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ KH,CN&ĐMST đến năm 2025.
5. Quyết định số 3476/QĐ-BKH&CN ngày 14/12/2020 của Bộ KH&CN thành lập Ban Soạn thảo Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030.
6. Quyết định số 3477/QĐ-BKH&CN ngày 14/12/2020 của Bộ KH&CN thành lập Tổ Biên tập và Thường trực Tổ Biên tập Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030.
7. Quyết định số 2725/QĐ-BKH&CN ngày 20/9/2019 của Bộ KH&CN phê duyệt Chương trình KH&CN cấp Bộ “Nghiên cứu định hướng chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST Việt Nam giai đoạn 2021-2030”.
8. Bộ KH&CN và Ngân hàng Thế giới, (2021), “Báo cáo Khoa học, Công nghệ và Đổi mới Sáng tạo”. Hà Nội, 2021.
9. Hoàng Văn Tuyên và cộng sự, (2018). “Nghiên cứu cách tiếp cận, phương pháp, quy trình tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN giai đoạn 2021-2030”. Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Hà Nội, 2018.
10. Hoàng Xuân Long và cộng sự, (2019). “Nghiên cứu luận cứ khoa học và thực tiễn cho khung nội dung chi tiết và phương án tổ chức xây dựng đề án Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST giai đoạn 2021-2030”. Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Hà Nội, 2019.
11. Nguyễn Hoàng Hải và cộng sự, (2019). “Dự báo và lựa chọn những lĩnh vực công nghệ ưu tiên phục vụ xây dựng Chiến lược phát triển KH,CN&ĐMST của Việt Nam giai đoạn 2021-2030”. Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Hà Nội, 2019.
12. Nguyễn Mạnh Quân và cộng sự, (2009). “Nghiên cứu phương pháp, quy trình tổ chức xây dựng Chiến lược phát triển KH&CN Việt Nam giai đoạn 2011-2020”. Báo cáo tổng hợp Đề tài cấp Bộ, Hà Nội, 2009.
13. Bryson, J. M., (2018). ”Strategic Planning for Public and Nonprofit Organizations: A Guide to Strengthening and Sustaining Organizational Achievement”.
14. European Commission, (2021). ”A New Industrial Strategy for Europe”. European Commission.
15. Kaplan, R. S., & Norton, D. P., (2004). ”Strategy Maps: Converting Intangible Assets into Tangible Outcomes”. Harvard Business Review Press.
16. Mintzberg, H., (1994). ”The Rise and Fall of Strategic Planning”. New York: Free Press.
17. OECD, (2021). ”Strategic Foresight for Better Policies: Building Effective Governance in Uncertain Times”. OECD Publishing.
18. OECD, (2021). ”Strategic Foresight for Better Policies: Building Effective Governance in Uncertain Times”. OECD Publishing.
19. United Nations Development Programme (UNDP), (2020). ”National Strategies for Sustainable Development”. UNDP Publishing.
20. World Bank, (2022). ”Country Partnership Framework: Strategic Engagement for National Development”.
21. World Bank. (2022). ”National Development Strategies: A Framework for Inclusive Growth”. Washington, D.C.: World Bank Group.